

Số: 353/QĐ-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tạm thời Quy trình
sản xuất các giống lúa mới.

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận V/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài, dự án KH&CN của Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu tỉnh Ninh Thuận ngày 19/5/2017, nghiệm thu đề tài “Đánh giá, tuyển chọn các giống lúa mới có triển vọng hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tỉnh Ninh Thuận”;

Căn cứ Biên bản họp “Đánh giá quy trình sản xuất các giống lúa mới để ban hành tạm thời Quy trình sản xuất tại Ninh Thuận” ngày 11/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Phòng Khoa học, Công nghệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời Quy trình sản xuất đối với các giống lúa mới (giống MT10, giống OM6976), là kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh: “Đánh giá, tuyển chọn các giống lúa mới có triển vọng hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tỉnh Ninh Thuận”.

Điều 2. Quy trình sản xuất đối với các giống lúa mới do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận ban hành chỉ áp dụng trên phạm vi địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình sản xuất, các ý kiến góp ý về Quy trình sản xuất tạm thời đối với các giống lúa nêu trên, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, các đơn vị có liên quan, Trưởng Phòng Khoa học, công nghệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Quang Thụ

QUY TRÌNH KỸ THUẬT CANH TÁC TẠM THỜI (Giống lúa OM6976)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-SNNPTNT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Phạm vi áp dụng.

Quy trình này áp dụng cho các vùng sản xuất lúa ở Ninh Thuận.

2. Cơ sở xây dựng quy trình.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của đề tài: Đánh giá, tuyển chọn một số giống lúa mới có triển vọng hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-SNNPTNT ngày 05/01/2012 của Sở Nông nghiệp & PTNT Ninh Thuận về việc ban hành tạm thời Quy trình kỹ thuật trồng lúa theo 1 phải 5 giảm tại Ninh Thuận.

- Căn cứ QCVN 01-55:2011/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lúa.

3. Giới thiệu sơ lược về giống lúa OM6976.

+ Nguồn gốc: Viện Nghiên cứu Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long chọn tạo.

+ Đặc điểm:

- Thời gian sinh trưởng khoảng 95-100 ngày.

- Dạng hình dạng đẹp, cứng cây, khả năng đẻ nhánh khỏe, đạt 9-11 chồi hữu hiệu/bụi.

- Khả năng kháng rầy nâu và đạo ôn ở mức trung bình. Khả năng chống chịu mặn 3-4 ‰, khả năng chống chịu phèn khá tốt.

- Giống thích nghi rộng trên nhiều loại đất, từ phù sa ngọt đến phèn nặng.

- Tiềm năng năng suất cao, có thể đạt 7-9 tấn/ha và ổn định trong cả 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu.

- Hạt gạo giống lúa OM 6976 đẹp, thon dài, hàm lượng amylose 24-25%, hàm lượng sắt cao (7 mm/kg gạo trắng), hạt gạo dài trung bình, trong, ít bạc bụng, cơm vẫn còn hơi mềm khi nguội.

- Được Cục Trồng trọt công nhận đặc cách chính thức theo quyết định số 711/QĐ-TT-CLT ngày 7 tháng 12 năm 2011. Giống lúa OM6976 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ giống cây trồng năm 2011.



Nội dung Quy trình

1. Chuẩn bị đất.

Vệ sinh đồng ruộng, làm đất thật tơi và nhuyễn, san bằng mặt ruộng để quản lý mực nước trong ruộng được tốt hơn.

2. Thời vụ và vùng sản xuất.

2.1. Thời vụ.

Thực hiện theo lịch thời vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận. Khung thời vụ phổ biến là:

- Vụ Đông Xuân: gieo từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 10 tháng 01 năm sau; chậm nhất ngày 15/01.

- Vụ Hè Thu: gieo từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 10 tháng 6; chậm nhất là ngày 15/6.

2.2. Vùng sản xuất.

Các vùng sản xuất lúa trên đại bàn toàn tỉnh, ưu tiên các vùng sản xuất lúa trọng điểm: Ninh Phước, Ninh Hải và Ninh Sơn.

3. Chuẩn bị giống và gieo sạ.

- Chọn giống: Phải sử dụng lúa giống cấp xác nhận; tỷ lệ nảy mầm trên 80%.

- Xử lý hạt giống trước khi sạ: Trước khi ngâm ủ hạt giống, nên phơi lại hạt giống từ 1-2 nắng vào buổi sáng (8-12 giờ) để tăng sức hút nước và sức nảy mầm của hạt giống.

- Ngâm, ủ giống: Ngâm hạt giống trong nước khoảng 24-36 giờ (*ngâm trong lu, vại; bể chứa là tốt nhất*); sau đó rửa sạch nước chua, để ráo nước rồi mới ủ. Trong quá trình ủ giống, phải thường xuyên lấy “ngót” (bổ sung thêm nước cho hạt giống và đảo giống đều để đảm bảo ẩm độ và nhiệt độ cần thiết cho hạt giống nảy mầm tốt) khoảng 6-12 giờ/1 lần. Khi hạt nảy mầm đạt yêu cầu thì đem sạ.

Chú ý: Nếu sạ hàng thì độ dài của mầm khoảng 1,0-1,5mm là tốt nhất; nếu sạ lan (bằng tay) thì mầm có thể dài hơn.

- Xử lý hạt giống bằng thuốc bảo vệ thực vật (Cruiser Plus 312.5FS) để phòng ngừa rầy nâu, bọ trĩ ở giai đoạn đầu vụ.

- Lượng giống gieo sạ: Sạ lan lượng giống gieo sạ phù hợp: 160 kg/ha.

Sạ hàng: từ 80 – 100 kg/ha.

4. Quản lý cỏ dại.

- Sau khi gieo sạ 1-3 ngày nên phun thuốc trừ cỏ tiền nảy mầm như Sofit 300 EC, Meco 60 EC, ...

- Nhỏ cỏ kết hợp với cây dậm, tia lúa tại giai đoạn 15-18 ngày sau sạ hoặc có thể sử dụng một số loại thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm trên ruộng lúa như: Ankill A 40 WP, Puss 330 EC, Linchor top 60 OD, ...

5. Bón phân.

Cần dậm tia sớm, khi cây lúa 3 - 4 lá đẻ ruộng lúa phát triển đồng đều.

+ Nguyên tắc bón phân cho lúa: Bón phân theo nhu cầu sinh trưởng, phát triển của cây lúa vào các thời điểm (mạ, đẻ nhánh, tròng đòng).

+ Lượng phân bón là: 120 N + 60 P₂O₅ + 70 K₂O, tương đương với 260 kg Urea + 365 kg supe lân + 120 kg kali/ha.

+ Thời kỳ bón

- *Bón lót*: Khi bừa (xới) lần cuối trước khi gieo sạ, bón toàn bộ phân lân. Trong trường hợp đất bị chua, nên bón thêm vôi (250 - 300 kg/ha) để giảm độ chua của đất, giúp bộ rễ phát triển tốt hơn.

- *Bón thúc*: 03 lần chính tại các giai đoạn với lượng phân bón như sau:

Giai đoạn	Loại phân					
	Phân lân (kg/ha)		Phân đạm (kg/ha)		Phân kali (kg/ha)	
	P ₂ O ₅	Tương đương với Supe lân	N	Tương đương với Urea	K ₂ O	Tương đương với Kali clorua
Thúc lần 1 (8-12 ngày sau sạ)	60	365	37	80	19	32
Thúc lần 2 (20-22 ngày sau sạ)			46	100	15	25
Thúc lần 3 (40-45 ngày sau sạ)			37	80	36	60
Tổng cộng	60	365	120	260	70	120

Lưu ý: Nếu sử dụng loại phân hỗn hợp NPK, phải tính toán lượng phân bón cho tương đương với các công thức khuyến cáo ở trên.

Có thể tăng hoặc giảm 10% lượng phân bón so với quy trình, tùy thuộc vào chân đất và mùa vụ.

6. Quản lý nước.



Nguyên tắc chung: Cây lúa không phải lúc nào cũng cần ngập nước, ruộng chỉ cần ngập nước trong giai đoạn lúa non để hạn chế “ém” cỏ và trong giai đoạn trổ để cho lúa kết hạt tốt hơn. Các giai đoạn còn lại, có thể điều tiết nước.

6.1. Giai đoạn sạ đến bắt đầu đẻ nhánh:

- Sau khi sạ, nên chặt nước cho thật ráo, không để mặt ruộng đọng nước thành từng vũng, làm mầm lúa chết úng.

- Khoảng 4 đến 5 ngày sau khi sạ tiến hành tráng ruộng mạ, ngâm 10 - 12 giờ rồi mới rút nước đến khi ruộng nứt chân chim mới tiếp tục cho nước vào ruộng. Ở giai đoạn từ 7 - 20 ngày sau sạ, giữ nước ngập mặt ruộng liên tục (ở mực nước từ 3 - 5 cm) nhằm hạn chế sự mọc mầm của các loài cỏ, vừa có tác dụng giúp lúa đẻ nhánh tốt hơn.

6.2. Giai đoạn đẻ nhánh đến phân hóa đòng: Giai đoạn đẻ nhánh nên giữ mực nước từ 3 - 5 cm, trước khi phân hóa đòng từ 10 - 15 ngày thì rút nước (Áp dụng phương pháp ướm khô xen kẽ).

6.3. Giai đoạn phân hóa đòng đến trổ: Giai đoạn này thường xuyên giữ nước từ 4 - 5 cm, không được để ruộng khô.

6.4. Giai đoạn lúa trổ đến chín: Giữ nước thường xuyên cho đến khi lúa vào chắc, sau đó áp dụng biện pháp ướm khô xen kẽ, trước khi thu hoạch 7 - 10 ngày rút nước để lúa nhanh chín, dễ thu hoạch.

7. Quản lý dịch hại lúa.

Áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) bao gồm: Vệ sinh đồng ruộng; duy trì và bảo vệ các sinh vật có ích như nhện, bọ rùa, kiến ba khoang, ong mắt đỏ, ong kén trắng, ... bằng cách hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu. Chỉ phun thuốc trừ sâu khi mật số sâu hại tới ngưỡng phòng trừ và phải tuân thủ nguyên tắc 4 đúng: đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng lúc, đúng cách. Cụ thể, quản lý một số đối tượng chính như sau:

7.1. Sâu hại lúa chính.

a. Rầy nâu (*Nilaparvata lugens* Stal)

Triệu chứng gây hại và quy luật phát triển của rầy:

- Rầy nâu là loại côn trùng chích hút, gây hại nguy hiểm cho cây lúa. Khi bị rầy hại cây lúa vàng, úa, còi cọc, chết khô (gọi là hiện tượng cháy rầy), lúc đầu là từng đám, sau cháy cả vạt, có thể lan rộng ra cả ruộng và cả cánh đồng nếu không phòng trừ kịp thời.

Biện pháp quản lý

- Giai đoạn đến 20 ngày sau gieo: phun thuốc trừ rầy khi thấy rầy nâu xuất hiện trên ruộng lúa.

- Giai đoạn từ 20 ngày sau gieo đến trổ: Chỉ phun thuốc trừ rầy khi mật độ rầy cám (tuổi 2-3) cao hơn 3 con/dảnh. Dùng các loại thuốc như: Oshin 20 WP, Applaud 10 WP, Chess 40 WG, ... Có thể sử dụng các chế phẩm sinh học như Ometar (nấm xanh *Metarhizium anisopliae*), Biovip (nấm trắng *Beauveria bassiana*) để trừ rầy.

b. Sâu đục thân (*Scirpophaga incertulas*)

Đặc điểm hình thái và triệu chứng gây hại:

- Triệu chứng gây hại thời kỳ mạ hoặc đẻ nhánh: sâu đục qua bẹ phía ngoài vào đến nõn phá hại làm cho dảnh lúa bị héo.

- Thời kỳ sắp trổ hoặc mới trổ, sâu đục qua lá bao ăn điếm sinh trưởng, cắt đứt các mạch dẫn dinh dưỡng làm cho bông lép trắng.

Biện pháp quản lý:

- Thường xuyên thăm đồng, quan sát các triệu chứng gây hại, nhất là triệu chứng dảnh héo. Dùng thuốc hóa học khi mật độ sâu đến ngưỡng phòng trừ.

- Phòng trừ sâu đục thân hại lúa: luân phiên sử dụng các loại thuốc Virtako 40 WG, Dupont Prevathon 5 SC, Winter[®] 635 EC, ...

c. Sâu cuốn lá nhỏ (*Cnaphalocrocis medinalis* Guenee)

Triệu chứng gây hại:

- Lá lúa bị cuốn, sâu non ăn biểu bì mặt trên và diệp lục của lá dọc theo gân lá tạo thành những vết trắng dài, các vết này có thể nối liền với nhau thành từng mảng làm giảm diện tích quang hợp và đặc biệt là trên lá đòng hoặc lá công năng sẽ làm giảm năng suất rõ rệt.

Biện pháp quản lý: Dùng thuốc hóa học khi mật độ sâu đến ngưỡng phòng trừ. Dùng luân phiên các loại thuốc Dupont Prevathon 5 SC, Ammate[®] 150 SC,... để trừ sâu cuốn lá.

7.2. Bệnh hại lúa chính

a. Bệnh đạo ôn (*Pyricularia grisea*)

Triệu chứng bệnh:

- Vết bệnh trên lá lúa: thông thường vết bệnh lúc đầu là những chấm nhỏ màu xanh hoặc mờ vết dầu, sau chuyển sang màu xám nhạt, trên các giống lúa mẫn cảm các vết bệnh to, hình thoi, dày, màu nâu nhạt, có khi có quầng màu vàng nhạt, phần giữa vết bệnh có màu nâu xám.

- Vết bệnh trên thân và cổ bông bắt đầu vết bệnh là một chấm nhỏ màu đen về sau lớn dần bao quanh thân, làm cho thân thắt lại; trên cổ bông làm cho bông bạc gãy.

* *Biện pháp quản lý:* Có thể dùng luân phiên thuốc Nativo 750 WG, Amistar Top 325 SC, ... để phòng trừ.



